

Câu1: Vào ngày nào trong năm , khoảng cách từ Trái đất đến Mặt trời là gần nhất?

- A. Ngày Xuân phân (20-21/3)
- B. Ngày Đông chí (21-22/12)
- C. Một ngày khác.**
- D. Ngày Hạ chí (21-22/6)

(Câu này thường bị các bạn chọn là Hạ chí vì các ngày này ‘nóng’. Thực ra các mùa trên trái đất không phải do khoảng cách đến mặt trời xa hay gần gây ra như một số người lầm tưởng, thực tế trái đất gần mặt trời nhất vào khoảng đầu tháng 1 (điểm cận nhật) trong khi lúc này ở Bắc bán cầu đang là mùa đông)

Câu2: Chu kì tự quay quanh trục của Mặt trăng là bao nhiêu ngày?

- A. 1 ngày
- B. 27 ngày**
- C. 29 ngày
- D. 23 ngày

(Chu kỳ tự quay quanh trục của Mặt trăng bằng với chu kỳ quay quanh Trái đất: 27,32 ngày)

Câu 3: Mặt trăng có bao nhiêu pha?

- A. 6
- B. 7
- C. 8**
- D. 9

(8 pha của Mặt trăng là: trăng đầu tháng, lưỡi liềm, bán nguyệt, trăng khuyết, trăng tròn, khuyết cuối tháng, lưỡi liềm già)

Câu4: Tại sao nguyệt thực không xảy ra hằng tháng?

- A. Vì Mặt trăng quay quanh Trái đất không theo quỹ đạo xác định.
- B. Vì mặt phẳng quỹ đạo của Mặt trăng nghiêng so với mặt phẳng quỹ đạo của Trái đất.**

- C. Vì trong quá trình Mặt trăng quay quanh Trái đất, bản thân Trái Đất cũng chuyển động quanh Mặt trời gây sai lệch.
- D. Vì hiện tượng nguyệt thực xảy ra hoàn toàn ngẫu nhiên không theo chu kỳ nào cả.
(đáp án đúng là B theo ghi chép từ vở học)

Câu 5: Nhật thực thường xảy ra khi nào?

A. Xảy ra gần tuần trăng mới.

B. Xảy ra gần tuần trăng tròn.

C. Không biết trước được.

D. Cả A và B đều đúng.

(tài liệu khoa học trái đất photo trang 4)

Câu 6: Thứ tự cấu tạo từ trong ra ngoài của Mặt trời là?

A. Quang cầu, sắc cầu, vòng nhật hoa.

B. Sắc cầu, quang cầu vòng nhật hoa.

C. Vòng nhật hoa, sắc cầu, quang cầu.

D. Sắc cầu, vòng nhật hoa, quang cầu.

(hình vẽ từ slide bài giảng)

Câu 7: Hướng xuất hiện của Nguyệt thực là:

A. Đông

B. Tây

C. Nam

D. Bắc

(vì Mặt trăng cùng Trái đất tự quay từ tây sang đông, bởi vậy nhật thực bao giờ cũng bắt đầu xuất hiện từ phía tây và nguyệt thực bắt đầu xuất hiện ở phía đông)

Câu 8: Hành tinh nào trong hệ mặt trời gần với Trái đất nhất:

A. Mercury (thủy tinh)

B. Venus (kim tinh)

- C. Mars (sao hỏa)
 - D. Jupiter (sao mộc)
- (giáo trình trang 17)

Câu9: Định nghĩa nào sau đây là đúng về 1 đơn vị thiên văn:

- A. Có giá trị bằng quãng đường đi của ánh sáng trong một năm.
 - B. Là khoảng cách từ Mặt trời đến Trái đất.**
 - C. Là khoảng cách từ Mặt trăng đến Trái đất.
 - D. Là kích thước của Ngân Hà.
- (tài liệu khoa học Trái đất photo trang 7)

Câu10: Thiên hà có số lượng lớn nhất trong vũ trụ là:

- A. Thiên hà xoắn.**
 - B. Thiên hà elip.
 - C. Thiên hà thấu kính.
 - D. Thiên hà không định hình.
- (thiên hà xoắn chiếm khoảng 60% số lượng các thiên hà)

Câu11: Câu nào dưới đây là chính xác nhất:

- A. Ngân Hà là thiên hà xoắn có 4 nhánh gồm khoảng 6000 sao có thể quan sát bằng mắt thường trong đó có Mặt trời.
 - B. Các hành tinh trong Thái Dương hệ gồm 2 nhóm: Nhóm hành tinh loại Trái đất- nhóm hành tinh vòng trong gồm Thủy tinh, Kim tinh, Trái đất; Nhóm hành tinh loại Mộc tinh- nhóm hành tinh vòng ngoài gồm Hỏa tinh, Mộc tinh, Thổ tinh, Thiên vương tinh, Hải Vương tinh.
 - C. Trái đất là hành tinh có khí quyển đậm đặc nhất trong nhóm các hành tinh loại Trái đất
 - D. Có 2 trong số các đáp án là đúng.**
- (câu C sai vì khí quyển Kim tinh đậm đặc gấp 93 lần so với khí quyển Trái đất)

Câu 12: Vì sao gia tốc trọng trường lớn nhất ở các cực?

- A. Vì Trái đất quay quanh trục của nó. Càng tiến về địa cực, do góc quay càng lớn, gia tốc trọng trường càng tăng.
- B. Mật độ vật chất ở 2 cực lớn hơn nên ‘hút’ mạnh hơn.
- C. Do Trái đất dẹt ở 2 cực.
- D. Có 2 trong số các đáp án là đúng.**
(giáo trình khoa học trái đất trang 34)

Câu 13: Cực bắc của kim nam châm hướng về phía nào?

- A. Cực bắc địa từ.
 - B. Cực nam địa từ.**
 - C. Cực bắc địa lý.
 - D. Cực nam địa lý.
- (giáo trình khoa học trái đất trang 34)

Câu 14: Ranh giới giữa đới manti và nhân có độ sâu bao nhiêu?

- A. 2900km**
 - B. 5100km
 - C. 6400km
 - D. 950km
- (tài liệu khoa học trái đất photo trang 12)

Câu 15: Vì sao vỏ Trái đất nhẹ hơn lớp manti và nhân?

- A. Vỏ Trái đất giàu C và H.
 - B. Vỏ Trái đất giàu Si và Al.**
 - C. Lớp manti giàu K và Na.
 - D. Nhân Trái đất ở trạng thái lỏng do nhiệt độ cao.
- (giáo trình khoa học trái đất trang 44)

Câu 16: Vỏ lục địa bao gồm những lớp nào?

- A. Lớp Granit và lớp Diorit

B. Lớp Rhy olit và lớp Andesit

C. Lớp Basalt và lớp Granit

D. Lớp Granit và lớp Gabbro

(tài liệu khoa học trái đất photo trang 13)

Câu 17: Giả thuyết về nguồn gốc hình thành trái đất và hệ mặt trời nào sau đây không giải thích được đặc điểm quỹ đạo của các hành tinh trong hệ mặt trời:

A. Giả thuyết của Otto-Smith

B. Giả thuyết của Kant (1755)

C. Giả thuyết của Laplace(1796)

D. Cả 3 giả thuyết trên đều không giải thích được.

(tài liệu khoa học trái đất photo trang 14)

Câu 18: Chọn câu trả lời sai:

A. Vỏ trái đất bao gồm thạch quyển với độ sâu trung bình khoảng 35 km.

B. Vỏ đại dương có độ dày mỏng hơn vỏ lục địa.

C. Quyển mềm có độ dày khoảng 300 km thuộc lớp manti trên.

D. Có 2 đáp án là đúng.

(tài liệu khoa học trái đất photo trang 13)

Câu 19: Sóng P truyền nhanh nhất trong lớp nào của Trái đất?

A. Manti trên

B. Manti dưới

C. Nhân ngoài

D. Nhân trong

(hình vẽ từ slide bài giảng)

Câu 20: Câu nào sau đây là chính xác nhất:

A. Các sao có màu xanh có nhiệt độ bề mặt lớn hơn so với các sao màu đỏ.

B. Các sao nhìn thấy càng sáng thì gần hơn các sao nhìn thấy tối.

C. Các sao có khối lượng càng lớn thì giai đoạn phát triển chính càng dài.

D. Có 2 đáp án là đúng.

(tài liệu khoa học trái đất photo trang 8 + vở ghi chép)

Câu 21: Không khí xáo trộn theo chiều thẳng đứng là đặc điểm của tầng nào trong khí quyển?

A. Tầng đối lưu

B. Tầng bình lưu

C. Tầng trung

D. Tầng nhiệt

(tài liệu khoa học trái đất photo trang 1)

Câu 22: Tầng nào của khí quyển có bề dày lớn nhất?

A. Tầng đối lưu

B. Tầng bình lưu

C. Tầng trung

D. Tầng nhiệt

(giáo trình khoa học trái đất trang 214, tầng nhiệt có độ cao từ 80-500km)

Câu 23: Lớp ozon của khí quyển chủ yếu tập trung ở tầng nào?

A. Tầng đối lưu

B. Tầng bình lưu

C. Tầng trung

D. Tầng nhiệt

(giáo trình khoa học trái đất trang 215, lớp ozon tập trung chủ yếu từ 18-25km)

Câu 24: Trong quá khứ bầu khí quyển nguyên thủy có tính chất gì?

A. Tính khử

B. Tính oxihóa

C. Vừa có tính oxihóa vừa có tính khử

D. Trung tính

(giáo trình khoa học trái đất trang 218, bầu khí quyển trái đất nguyên thủy chủ yếu là: CO₂, CH₄, CO, H₂S, SO₂,...)

Câu 25: Hoàn lưu khí quyển nào sau đây chỉ đặc trưng cho 1 khu vực địa lý nhất định, không ảnh hưởng tới các hoàn lưu chung:

- A. Gió đất, gió biển, khí xoáy thuận, vòi rồng.
 - B. Khí xoáy nghịch, vòi rồng, gió núi-thung lũng.
 - C. Vòi rồng, gió biển, gió đất, gió thung lũng.**
 - D. Khí xoáy thuận, khí xoáy nghịch, vòi rồng, gió biển.
- (giáo trình khoa học trái đất trang 220)

Câu 26: Có bao nhiêu đới khí áp trên trái đất?

- A. 5
 - B. 6
 - C. 7**
 - D. 8
- (giáo trình khoa học trái đất trang 221, gồm: 1 áp thấp xích đạo, 2 áp cao cận nhiệt, 2 áp thấp ôn đới, 2 áp cao cực)

Câu 27: Hoàn lưu Hadley là 1 loại tế bào hoàn lưu khí quyển xảy ra ở đâu?

- A. Nằm giữa 2 áp cao cận nhiệt.**
 - B. Nằm giữa áp thấp ôn đới và áp cao cực của mỗi 2 bán cầu.
 - C. Nằm giữa áp cao cận nhiệt và áp thấp ôn đới của mỗi 2 bán cầu.
 - D. Cả 3 đáp án đều sai.
- (giáo trình khoa học trái đất trang 221)

Câu 28: Nơi gặp nhau của gió tín phong 2 bán cầu được gọi là

- A. Dải áp thấp nhiệt đới
- B. Dải hội tụ nhiệt đới**

C. Dải hội tụ gió mùa

D. Có 2 trong số các đáp án là đúng

(giáo trình khoa học trái đất 224)

Câu 29: Định nghĩa nào sau đây về khối khí lạnh là đúng nhất:

A. Khối khí lạnh là khối khí có nhiệt độ lạnh có nguồn gốc lục địa

B. Khối khí lạnh là khối khí có nhiệt độ lạnh có nguồn gốc đại dương

C. Khối khí lạnh là khối khí di chuyển từ vùng nóng sang vùng lạnh

D. Khối khí lạnh là khối khí di chuyển từ vùng lạnh sang vùng nóng

(giáo trình khoa học trái đất trang 225)

Câu 30: Có bao nhiêu kiểu đới khí hậu?

A. 2

B. 4

C. 6

D. 8

(giáo trình khoa học trái đất, nhiệt đới, cận nhiệt đới ôn đới, miền cực)

Câu 31: Khi hơi nước ở trạng thái bão hòa thì quá trình nào sau đây không thể diễn ra?

A. Ngưng kết

B. Giáng thủy

C. Bốc hơi

D. Cả 3 đáp án đều đúng

(tài liệu khoa học trái đất photo trang 3)

Câu 32: Điều kiện để hơi nước ngưng kết là:

A. Nhiệt độ không khí nhỏ hơn nhiệt độ sương giá

B. Nhiệt độ không khí nhỏ hơn nhiệt độ sương muối

C. Nhiệt độ không khí nhỏ hơn nhiệt độ sương mù

D. Nhiệt độ không khí nhỏ hơn nhiệt độ đóng băng của hơi nước
(tài liệu khoa học trái đất photo trang 3)

Câu 33: Nguyên nhân của hiện tượng siêu lạnh là gì?

- A. Do có quá nhiều các hạt bụi nhỏ liti, phấn hoa, muối, vi khuẩn,..., trong nước nên cản trở sự kết tinh.
- B. Do có quá ít các hạt bụi nhỏ liti, phấn hoa, muối, vi khuẩn,..., trong nước nên nước khó kết tinh.**
- C. Do nhiệt độ của môi trường quá lạnh nên nước không thể kết tinh.
- D. Do nhiệt độ của môi trường quá lạnh nên nhiệt độ của nước xuống dưới nhiệt độ đóng băng.

(tài liệu khoa học trái đất photo trang 5)

Câu 34: Mưa dầm có đặc điểm:

- A. Rơi từ các đám mây tầng, mây tầng tích
- B. Rơi từ các đám mây vũ tầng, trung tầng, đôi khi từ mây tầng tích**
- C. Rơi từ mây tích, vũ tích, trung tích
- D. Rơi từ mây ti, mây ti tầng

(tài liệu khoa học trái đất photo trang 6)

Câu 35: Nguồn gốc của các áp thấp nhiệt đới là:

- A. Là các khí xoáy thuận, các dòng khí di chuyển vào tâm rồi bốc lên cao.**
- B. Là các khí xoáy nghịch, các dòng khí di chuyển từ trên trung tâm rồi tản ra xung quanh.
- C. Các dòng khí di chuyển ngược chiều nhau rồi cuốn vào nhau.
- D. Các dòng khí di chuyển ra nhau rồi bốc lên trên.

(tài liệu photo trang 7)

Câu 36: Ảnh hưởng của lực Coriolis khiến các dòng khí ở nam bán cầu di chuyển lệch sang hướng nào?

A. Bên trái

B. Bên phải

C. Phía tây

D. Phía đông

(tài liệu khoa học trái đất photo trang 8)

Câu 37: Cách nhận biết biến đổi khí hậu là:

A. Chiến tranh và xung đột

B. Sự biến mất của các loài, mất cân bằng sinh thái

C. Nhiệt độ trung bình tăng

D. Cả 3 đáp án đều đúng

(tài liệu khoa học trái đất photo trang 9)

Câu 38: Câu nào sau đây đúng nhất:

A. Bụi cản năng lượng từ mặt đất bốc lên, mặt khác cũng cản năng lượng Mặt trời đến bề mặt Trái đất.

B. Nguồn gốc của các sol khí chủ yếu từ hoạt động của núi lửa, cháy rừng.

C. Trái đất đã trải qua 5 kỉ băng hà, giữa các kỉ băng hà có những thời gian ấm lên của Trái đất.

D. Lượng CO₂ trong khí quyển vào mùa hạ, thu nhìn chung lớn hơn vào mùa đông, xuân.

(tài liệu khoa học trái đất photo trang 9-10)

Câu 39: Những đặc điểm sau đây: chân mây có độ cao từ 2-6km, cấu tạo bởi những giọt nước hoặc các tinh thể băng có màu xám và bóng râm trên mặt đất là của loại mây nào?

A. Mây tầng cao

B. Mây tầng trung

C. Mây tầng thấp

D. Có 2 đáp án đúng

(tài liệu khoa học trái đất photo trang 4)

Câu 40: Đại áp cao cận nhiệt nằm ở vĩ tuyến nào?

A. 23 độ 27 phút Bắc và Nam

B. 30 độ Bắc và Nam

C. 60 độ Bắc và Nam

D. 66 độ 33 phút Bắc và Nam

(slide bài giảng)

Câu 41: Tỷ lệ nước ngọt trên Trái đất khoảng bao nhiêu?

A. 97.2%

B. 2.2%

C. 2.8%

D. 0.01%

(hình vẽ từ slide bài giảng, băng chiếm: 2.2%)

Câu 42: Nước chủ yếu bốc hơi từ đâu?

A. Sông, suối, ao hồ

B. Biển và đại dương

C. Qua sinh vật (thực vật và động vật)

D. Qua mặt đất

(từ chu trình nước)

Câu 43: Mặt thủy cấp là gì?

A. Mặt nước có độ cao ngang bằng so với mặt nước biển

B. Mặt nước phía trên đới thông khí

C. Mặt nước phía trên đới bão hòa

D. Mặt nước phía trên mạch nước ngầm

(tài liệu khoa học trái đất photo chương thủy quyển)

Câu 44: Khái niệm nào dưới đây về tầng chứa nước là đúng nhất:

A. Tầng chứa nước là tầng nằm bên dưới đới thoáng khí, nước tràn đầy tất cả khe hở.

B. Tầng chứa nước là tầng có thể lấy nước ra được

C. Tầng chứa nước chính là mạch nước ngầm

D. Tầng chứa nước là tầng nước nằm phía dưới mặt thủy cấp
(tài liệu khoa học trái đất photo chương thủy quyển)

Câu 45: Điều kiện nào để hình thành giếng có áp?

A. Lớp đất đá ở trên và ở đáy của tầng không thấm nước

B. Giếng có độ cao thấp có mạch nước ngầm ăn thông với nơi có mạch nước ngầm cao

C. Nước được chứa trong tầng đá nằm nghiêng

D. Cả 3 đáp án trên đều đúng

(tài liệu khoa học trái đất photo chương thủy quyển)

Câu 46: Yếu tố nào sau đây có tương quan nghịch với nước chảy tràn:

A. Độ thấm của đất

B. Độ dốc địa hình

C. Lượng mưa

D. Cả 3 đáp án đều đúng

(tài liệu khoa học trái đất photo chương thủy quyển)

Câu 46: Ở vùng đá xếp thành lớp và bị uốn nếp, dòng nước sẽ di chuyển theo hình dạng như thế nào?

A. Dạng hình nhánh cây

B. Dạng hình tia

C. Dạng hình có nhánh

D. Dạng hình mạng lưới

(tài liệu khoa học trái đất photo chương thủy quyển)

Câu 47: Lũ xảy ra trong phạm vi nhỏ hẹp nhưng có sức chảy mãnh liệt cuốn trôi nhà cửa là đặc điểm của lũ ở nơi đâu?

A. Thượng lưu

B. Trung lưu

C. Hạ lưu

D. Cả B và C đều đúng

(tài liệu khoa học trái đất photo chương thủy quyển)

Câu 48: Động lực gây ra sóng chủ yếu từ:

A. Gió

B. Động đất

C. Thủy triều

D. Lực coriolis

(tài liệu khoa học trái đất photo chương thủy quyển)

Câu 49: Câu nào sau đây đúng nhất về sóng:

A. Những lượn sóng đến vuông góc với hướng gió

B. Khi xuống tới hơn phân nửa biên độ sóng, nước hoàn toàn yên tĩnh

C. Mặc dù lượn sóng đi tới nhưng hạt nước chỉ xoáy tròn gần như tại chỗ

D. Sóng ở ngoài khơi có tên gọi là sóng bạc đầu

(tài liệu khoa học trái đất photo chương thủy quyển)

Câu 50: Khi nào thủy triều cực tiểu:

A. Khi mặt trời và mặt trăng nằm đối diện nhau so với trái đất

B. Khi mặt trời và mặt trăng nằm cùng 1 phía so với trái đất

C. Khi mặt trời, mặt trăng và trái đất vuông góc

D. Cả ba đáp án đều sai

(tài liệu khoa học trái đất photo chương thủy quyển)

Câu 51: Nơi nào dưới đại dương sâu nhất:

A. Sườn lục địa

B. Đồng bằng biển thẳm

C. Thung lũng rift

D. Rãnh

(tài liệu khoa học trái đất photo chương thủy quyển)

Câu 52: Ảnh của khoáng graphic được xếp vào loại ảnh phi kim loại nào dưới đây:

A. Ảnh lựa

B. Ảnh đất

C. Ảnh mờ

D. Ảnh xà cừ

(ghi chép)

Câu 53: Câu nào dưới đây là sai:

A. Chúng ta có thể sử dụng vết vạch để nhận biết các khoáng vật có chứa kim loại

B. Thạch anh là khoáng vật không có các khai, thay vào đó chúng có vết vỡ dạng tròn ốc

C. Đá magma axit có thành phần SiO_2 cao hơn đá magma bazơ nên tỉ trọng lớn hơn

D. Magnetism là loại khoáng vật có từ tính mạnh

(tỉ trọng của đá magma axit nhỏ hơn magma bazơ)

Câu 53: Khoáng vật nào sau đây thuộc nhóm Silicat:

A. Thạch anh, feldspar, corundum, kyanite

B. Mica, olivine, feldspar, tourmaline

C. Pyrite, galena, thạch cao, barit

D. Calcit, magnetite, dolomit, hematit

(slide bài giảng)

Câu 54: Điều nào sau đây là sai khi nói về các loại magma?

A. Khoáng olivine chỉ xuất hiện ở đá magma bazơ

B. Hàm lượng Na, K, Al trong đá magma axit cao hơn magma bazơ

C. Magma axit có độ xoắn đặc và nhiệt độ cao hơn magma bazơ

D. Đá magma axit có màu sắc sáng hơn so với magma bazơ

(slide bài giảng)

Câu 55: Phát biểu nào dưới đây là đúng về đá trầm tích?

A. Thời gian hình thành đá dăm kết lớn hơn đá cuội kết

B. Đá trầm tích khó bị phong hóa hơn đá magma

C. Điều kiện hình thành đá trầm tích cát kết là : $1/8 < \text{đường kính của vật liệu cát kết} < 2\text{mm}$

D. Trong quá trình hình thành đá trầm tích, vật liệu trầm tích sẽ kết xi măng sau đó nén lại để trở thành đá

(slide bài giảng)

Câu 56: Phát biểu nào dưới đây là sai về đá biến chất?

A. Dựa vào trình độ biến chất, chúng ta chia làm biến chất tiếp xúc và biến chất khu vực

B. Đá trầm tích sau khi biến chất sẽ không còn xi măng

C. Đá hoa là kết quả của sự biến chất của đá vôi khi tiếp xúc với magma

D. Không thể tìm thấy được hóa thạch trong đá biến chất

(slide bài giảng)

Câu 57: Phong hóa “nêm đồng giá” thuộc kiểu phong hóa nào:

A. Phong hóa vật lý

B. Phong hóa hóa học

C. Phong hóa sinh học

D. Phong hóa kết hợp vật lý và hóa học

(slide bài giảng)

Câu 58: Trường hợp nào dưới đây có phong hóa vật lý là chủ đạo:

A. Địa hình karst ở vùng núi đá vôi

B. Hình thành sét cao lanh từ đá magma felsic

C. Quá trình phong hóa ở vùng sa mạc và vùng cực

D. Đất bị lateric hóa cứng

(vở ghi chép+ slide bài giảng)

Câu 59: Ở những nơi xuất hiện các cồn lưỡi liềm, chúng ta có thể kết luận gì về tốc độ gió và hướng hướng ở nơi đây?

A. Gió thổi mạnh, hướng gió cố định

B. Gió thổi nhẹ hướng gió không cố định

C. Gió thổi mạnh, hướng gió thay đổi thường xuyên

D. Gió thổi nhẹ, hướng gió ít thay đổi

(vở ghi chép+ slide bài giảng)

Câu 60: Những đặc điểm nào sau đây thường thấy ở nơi có hoạt động của băng hà:

A. Lòng sông có hình chữ V

B. Sườn dốc, sắc bén

C. Những đá khối nhỏ di chuyển nhanh hơn khối đá lớn

D. Cả 3 đáp án đều đúng

(vở ghi chép+ slide bài giảng)

Câu 61: Điều nào sau đây là sai khi nói về đứt gãy thuận?

A. Khi đứt gãy thuận xảy ra, khối treo bị sụt

B. Sự hình thành dãy núi trung tâm là một ví dụ về đứt gãy thuận

C. Đứt gãy thuận làm tăng diện tích bề mặt của vỏ trái đất

D. Đứt gãy thuận là kết quả của sự nén ép giữa 2 mảng kiến tạo

(vở ghi chép + slide bài giảng)

Câu 62: Những núi lửa có kiểu phun trào yên tĩnh thường gắn với đặc điểm nào sau đây:

A. Thành phần nghèo silic, tỷ trọng cao

- B. Phân bố ở ranh giới 2 mảng lục địa hội tụ
- C. Núi lửa hỗn hợp, sườn dốc, cấu trúc dạng phân tầng
- D. Cả 3 đáp án đều đúng

(giáo trình khoa học trái đất trang 145)

Câu 63: Vận tốc truyền sóng P như thế nào khi đi từ nhân ngoài vào nhân trong?

A. Giảm đột ngột

B. Nhảy cóc

C. Tăng nhanh

D. Tang chậm

(slide bài giảng)

Câu 64: Nhận định nào sau đây là đúng nhất khi nói về sóng P và sóng S:

A. Đới bóng râm của sóng S luôn lớn hơn sóng P

B. Sóng S bị cản không thể đi qua nhân

C. Sóng P có bản chất giống như sóng trên mặt nước

D. Sóng P là nguyên nhân chính gây phá hủy các công trình xây dựng

Câu 65: Tại những nơi có ranh trung hòa, vỏ trái đất ở đây như thế nào?

A. Vỏ trái đất bị phá hủy nhưng không có sự tạo vỏ mới nên diện tích bề mặt bị giảm

B. Vỏ trái đất bị phá hủy cùng với việc tạo vỏ mới nên diện tích tăng lên

C. Vỏ trái đất bị phá hủy tuy nhiên diện tích bề mặt không đổi

D. Vỏ trái đất vẫn giữ nguyên

(slide bài giảng)

Câu 66: Tại một nơi có sự xuất hiện của một dãy các núi lửa theo hướng tây bắc-đông nam. Điều đặc biệt là chỉ có núi lửa cuối cùng theo hướng đông nam là còn hoạt động. Chúng ta có thể kết luận gì về qua các sự kiện trên?

A. Các núi lửa trên thực ra có cùng nguồn gốc, được phát sinh khi vôi magma di chuyển từ hướng tây bắc về hướng đông nam

B. Nếu nó là kết quả của điểm nóng thì chắc chắn rằng càng gần hướng tây bắc thì đá núi lửa càng già đi.

C. Có sự dịch chuyển của mảng kiến tạo theo hướng tây bắc về đông nam

D. Cả 3 đáp án đều đúng
(lý thuyết về điểm nóng)

Câu 67: Điều này sau đây là đúng khi nói về các núi lửa có dung nham mafic và siêu mafic:

A. Các núi lửa dạng này xuất hiện ở đại dương nhiều hơn ở lục địa

B. Các núi lửa này có dạng chùy với sườn tương đối dốc

C. Thông thường sau một thời gian phun trào, núi sẽ chuyển sang phun trào từ các miệng phụ do miệng chính quá cao

D. Các núi lửa kiểu này chỉ phun một lần rồi tắt
(vở ghi chép)

Câu 68: Điều nào sau đây là đúng khi nói về các dãy núi ngầm giữa đại dương:

A. Càng vào trung tâm của dãy núi ngầm, độ tuổi của đá càng già

B. Các lớp đá ở 2 bên có độ tuổi như nhau

C. Đây là nơi sâu nhất dưới đại dương

D. Có 2 đáp án đúng
(slide bài giảng)

Câu 69: Câu nào dưới đây là chính xác nhất khi nói về bốc hơi và giáng thủy?

A. Tại một khu vực nhất định, tổng lượng bốc hơi và giáng thủy là như nhau

B. Trên phạm vi toàn cầu, tổng lượng bốc hơi không thể nào bằng lượng giáng thủy

C. Khi hơi nước đạt trạng thái bão hòa, hiện tượng bốc hơi không thể xảy ra

D. Cả 3 đáp án đều đúng

Câu 70: Hiện tượng ngưng kết có ảnh hưởng như thế nào đối với nhiệt độ của bầu khí quyển?

- A. Nhiệt độ không khí sẽ tăng lên**
- B. Nhiệt độ không khí giữ nguyên
- C. Nhiệt độ không khí sẽ giảm xuống
- D. Không xác định được

Câu 71: Gió ở trên cao có chiều thổi như thế nào?

- A. Từ nơi có nhiệt độ cao sang nơi có nhiệt độ thấp
- B. Từ nơi có khí áp thấp về nơi có khí áp cao**
- C. Từ nơi có không khí loãng về nơi có không khí đặc hơn
- D. Cả 3 đáp đều sai

Câu 72: khoáng vật nào sau đây có tốc độ phong hóa cao nhất?

- A. Olivine**
- B. Thạch anh
- C. Amphibole
- D. K-feldspar

Câu 73: Ban đầu, địa cầu chỉ có 1 lục địa duy nhất có tên là gì?

- A. Pangaea**
- B. Laurasia
- C. Gondwana
- D. Wegener

Câu 74: Hành tinh nào to nhất trong thái dương hệ:

- A. Mộc tinh
- B. Thổ tinh
- C. Thiên vương tinh
- D. Hải vương tinh

Câu 75: Câu nào sau đây là đúng nhất khi nói về trục quay của trái đất:

- A. Trục quay của trái đất cố định một góc 23.5 độ so với mặt phẳng hoàng đạo
- B. Trục quay của trái đất xoay đảo một góc 23.5 độ so với mặt phẳng hoàng đạo**
- C. Trục quay của trái đất cố định một góc 66.5 độ so với mặt phẳng hoàng đạo
- D. Trục quay của trái đất xoay đảo một góc 66.5 độ so với mặt phẳng hoàng đạo